

THÔNG BÁO

Về việc tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026

Hội đồng tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh thông báo một số thông tin về việc tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 như sau:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Người dự tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định.

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Điều 9 của Quy chế tuyển sinh đối với chương trình đào tạo đăng ký dự tuyển, trừ các đối tượng tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Các ngành tuyển sinh năm 2026

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
I	Tại Thành phố Hồ Chí Minh			
A	Chương trình chuẩn			
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
			Toán - Vật lý - Văn	C01
2	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường; Năng lượng - Thông tin; Giao thông - Sân nền)	7580210	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Văn - Tiếng Anh	D01
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
3	Quản lý xây dựng	7580302	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
4	Kiến trúc	7580101	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
5	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
6	Kiến trúc cảnh quan	7580102	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
7	Thiết kế nội thất	7580108	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
8	Mỹ thuật đô thị	7210110	Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
9	Thiết kế công nghiệp	7210402	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H02
10	Thiết kế đồ họa	7210403	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
11	Thiết kế thời trang	7210404	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
B	Chương trình Định hướng Quốc tế			
12	Kỹ thuật xây dựng	7580201QT	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01

X. Á.
T. P.
ĐẠI HỌC
T. H.

TT	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp
13	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (<i>Chuyên ngành: Cấp thoát nước - Môi trường</i>)	7580210QT	Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Văn - Tiếng Anh	D01
			Toán - Hóa học - Tiếng Anh	D07
14	Kiến trúc	7580101QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
15	Quy hoạch vùng và đô thị	7580105QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
16	Thiết kế nội thất	7580108QT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
17	Thiết kế đồ họa	7210403QT	Toán - Văn - Vẽ TT Màu	H01
			Văn - Tiếng Anh - Vẽ TT Màu	H06
C	Chương trình tiên tiến (Có yêu cầu năng lực Tiếng Anh đầu vào)			
18	Thiết kế đô thị	7580110	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
II	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Cần Thơ			
19	Kỹ thuật xây dựng	7580201CT	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
20	Kiến trúc	7580101CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
21	Thiết kế nội thất	7580108CT	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02
III	Tại Trung tâm Đào tạo cơ sở Đà Lạt			
22	Kỹ thuật xây dựng	7580201DL	Toán - Vật lý - Hóa học	A00
			Toán - Vật lý - Tiếng Anh	A01
			Toán - Vật lý - Văn	C01
23	Kiến trúc	7580101DL	Toán - Vật lý - Vẽ Mỹ thuật	V00
			Toán - Văn - Vẽ Mỹ thuật	V01
			Toán - Tiếng Anh - Vẽ Mỹ thuật	V02

PHÒNG
 KIẾN
 ANH P
 CHỈ

4. Các phương thức tuyển sinh năm 2026

Trong kỳ tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng các phương thức xét tuyển sau đây:

4.1. Phương thức 1 - Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thí sinh được xét tuyển thẳng nếu đáp ứng đối tượng và điều kiện dự tuyển, và thuộc một trong các trường hợp tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Quy chế tuyển sinh, cụ thể:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các chương trình đào tạo do Trường quy định.

+ Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp trung học phổ thông của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp trung học phổ thông, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ.

- Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do Trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải phải phù hợp với chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển và thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thẳng.

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KIẾN TRÚC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

- Thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu (khối V hoặc khối H) phải có điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 đạt từ 5,0 trở lên.

4.2. Phương thức 2 - Xét tuyển theo kết quả của kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026

- Đối với các ngành khối A, C, D: Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3) + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành khối V: Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Mỹ thuật x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với ngành khối H (ngành Thiết kế công nghiệp): Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Toán x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Trang trí màu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

- Đối với các ngành khối H (Ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang): Điểm xét tuyển = (Điểm thi THPT môn Văn x 1,5 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm môn Vẽ Trang trí màu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

4.3. Phương thức 3 - Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

- Căn cứ trên Khung quy đổi điểm thi Đánh giá năng lực về điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, Hội đồng tuyển sinh sẽ lựa chọn bảng quy đổi tương đương sang tổ hợp môn phù hợp để tính điểm xét tuyển theo thang 30. Đối với các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu, điểm xét tuyển sẽ được tính sau khi quy đổi tương đương từ điểm Đánh giá năng lực sang điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông như sau:

Điểm xét tuyển = (Điểm đánh giá năng lực quy đổi tương đương thang 30 x 5/6 + Môn năng khiếu x 2) x 2/3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên.

Lưu ý:

- Ngoại trừ các chương trình đào tạo tuyển sinh theo các tổ hợp khối A, C, D (3 ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng), các chương trình đào tạo còn lại xét tuyển theo các phương thức xét tuyển nêu trên kết hợp với kết quả thi bổ sung các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

- Riêng ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh, học phí tương ứng) có yêu cầu năng lực tiếng Anh đầu vào trước khi xét tuyển.

5. Ngưỡng đầu vào

- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả trong kỳ thi trung học phổ thông hoặc kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo. Ngưỡng đầu vào được quy đổi về thang điểm 30 sau khi được quy đổi tương đương theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo tương ứng.

- Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 1 và đợt 2 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, các yêu cầu bảo đảm chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng đối với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026, bên cạnh đạt ngưỡng đầu vào các các chương trình đào tạo, thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển vào các chương trình đào tạo mà tổ hợp xét tuyển có môn năng khiếu (khối V, H) phải có điểm thi môn năng khiếu trong kỳ thi bổ trợ các môn năng khiếu do Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 đạt từ 5,0 trở lên.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển ngành Thiết kế đô thị (Chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng tiếng Anh) phải có chứng chỉ tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp trung học phổ thông (hoặc trung cấp, trung học nghề), cụ thể khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên. Chính sách ưu tiên theo khu vực chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc trung cấp, trung học nghề) năm 2025 và 2026.

*
T
A
H
T
H

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,00 điểm. Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

- Điểm ưu tiên được cộng vào điểm xét tuyển quy đổi tương đương theo từng phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,50 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và theo thang tổng điểm 03 môn tối đa là 30) được làm tròn đến hàng phần trăm và xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên}.$$

- Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề và đạt ngưỡng đầu vào được cộng điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích nếu:

+ **Điểm thưởng:** Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển; môn đạt giải phải là môn trong tổ hợp xét tuyển chương trình đào tạo thí sinh dự tuyển (*Xem Phụ lục 1*).

+ **Điểm xét thưởng:** Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo tổ chức; đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia; đạt giải giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức (không bao gồm các kỳ thi Olympic, kỳ thi giải toán trên máy tính cầm tay); thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển; môn đạt giải phải là môn trong tổ hợp xét tuyển hoặc môn thi, nội dung đề tài dự thi đã đạt giải phải phù hợp chương trình đào tạo thí sinh dự tuyển (*Xem Phụ lục 1*).

+ **Điểm khuyến khích:** Thí sinh có chứng chỉ Quốc tế bao gồm chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế tương đương Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Xem Phụ lục 2*) hoặc chứng chỉ SAT từ 1200 trở lên và còn hạn đến thời gian đăng ký xét tuyển được cộng 0,5 điểm.

7. Đăng ký dự thi các môn năng khiếu, đăng ký xét tuyển thẳng, đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các chương trình đào tạo trên Hệ thống tuyển sinh và theo Kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng việc đăng ký dự thi các môn năng khiếu, đăng ký xét tuyển thẳng và đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng tuyển sinh

Y
HỒ
C KI
HÀNH
CH

Trường sẽ có thông báo hướng dẫn cụ thể. Thời gian và lệ phí dự thi, lệ phí xét tuyển và lệ xử lý thông tin ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

7.1. Đăng ký dự thi các môn năng khiếu

Năm 2026, Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tổ chức **duy nhất 01 đợt** thi các môn năng khiếu, bao gồm môn Vẽ Mỹ thuật và Vẽ Trang trí màu:

- Đăng ký trực tuyến: Dự kiến từ ngày **01/4/2026 đến hết ngày 29/4/2026**.
- Ngày thi: Dự kiến ngày **30 - 31/5/2026**.
- Địa điểm thi: Tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Lưu ý: Thời gian có thể điều chỉnh theo tình hình thực tế.

7.2. Đăng ký xét tuyển thẳng

- Thời gian đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang www.tuyensinh.uah.edu.vn:
Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 20/6/2026.

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển bản giấy: **Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 20/6/2026.**

7.3. Đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo

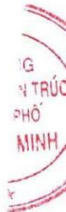
- Các thông tin ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Thông tin xét điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích), chứng chỉ Tiếng Anh đạt ngưỡng đầu vào xét tuyển ngành Thiết kế đô thị.

- Thời gian đăng ký Thông tin xét tuyển trực tuyến tại trang www.tuyensinh.uah.edu.vn: **Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 21/6/2026.**

- Thời gian nộp hồ sơ Thông tin xét tuyển bản giấy: **Từ ngày 22/6/2026 đến 16 giờ 30 ngày 26/6/2026.**

7.4. Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tất cả thí sinh dự tuyển vào các chương trình đào tạo thuộc Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh đều phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia, kể cả thí sinh đã nộp Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại Trường hoặc chỉ xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2026 tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.



- Thời gian đăng ký xét tuyển đợt 1: Từ ngày 02/7/2025 đến 17 giờ 00 ngày 14/7/2026 (theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thời gian nộp lệ phí xét tuyển: Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026.

7.5. Lệ phí

- Lệ phí thi môn năng khiếu: **500.000 đồng/môn thi**. Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ dự thi, lệ phí không hoàn lại.

- Lệ phí xét tuyển thẳng: **30.000 đồng/hồ sơ**. Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ dự thi, lệ phí không hoàn lại.

- Lệ phí đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo: **30.000 đồng/hồ sơ**. Lệ phí thi dành cho tất cả các đối tượng nộp hồ sơ, lệ phí không hoàn lại.

- Lệ phí xét tuyển trên Hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Theo Thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.6. Hình thức nộp: Thí sinh chỉ nộp về Trường lệ phí thi các môn năng khiếu, lệ phí xét tuyển thẳng, lệ phí đăng ký thông tin xét tuyển ngoài dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng hình thức chuyển khoản theo tài khoản sau:

Tên tài khoản: **Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh**

Số tài khoản: **110000006019** - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chuyển khoản:

- Tùy theo môn năng khiếu dự thi, thí sinh ghi nội dung chuyển khoản theo cú pháp: **Số CCCD-Họ và tên thí sinh-MT-TTM**.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng ghi nội dung chuyển khoản theo cú pháp: **Số CCCD-Họ và tên thí sinh-XTT**.

- Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển ghi nội dung chuyển khoản theo cú pháp: **Số CCCD-Họ và tên thí sinh-TTXT**.

8. Thông tin liên hệ

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 196 Pasteur, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38 222 748 (số nội bộ 134, 135) hoặc 0326180575 (trong



giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu).

Hotline: 0868671010.

Email: tuyensinh@uah.edu.vn.

Website: www.uah.edu.vn.

Fanpage: Tuyển sinh Kiến trúc UAH.

Trên đây là Thông báo về tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026. Thông báo này **thay thế cho Thông báo số 46/TB-HĐTS ngày 14/01/2026**. Các thông tin chi tiết và hoàn chỉnh sẽ được Hội đồng tuyển sinh thông báo trong Thông tin tuyển sinh năm 2026. / *ph*

Nơi nhận: *skw*

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.NTQN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS.KTS. Phạm Trọng Thuật

Phụ lục 1
ĐIỂM CỘNG ĐỐI VỚI THÍ SINH ĐẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI TỪ CẤP
TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TRỞ LÊN
(ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM XÉT THƯỞNG)

*(Kèm theo Thông báo số 391 /TB-HĐTS ngày 27 tháng 3 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Cấp	Giải thưởng	Điểm cộng
I.	Điểm thường		
1	Quốc tế	Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế; thí sinh trong đội tuyển Quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật Quốc tế	3,0
2	Quốc gia	Giải Nhất	3,0
3	Quốc gia	Giải Nhì	2,5
4	Quốc gia	Giải Ba	2,0
II.	Điểm xét thưởng		
5	Quốc gia	Giải Tư/Giải Khuyến khích	1,5
6	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Nhất	1,5
7	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Nhì	1,0
8	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Giải Ba	0,5

ph

Phụ lục 2
BẢNG QUY CHUẨN TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐỂ XÉT ĐIỂM KHUYẾN
KHÍCH ĐỐI VỚI CÁC PHƯƠNG THỨC 2 VÀ 3
(Kèm theo Thông báo số 391/TB-HĐTS ngày 27 tháng 3 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
1	TOEFL iBT	94
2	IELTS	7.0 - 7.5
3	Cambridge Assessment English	C1 Advanced/C1 Business Higher/ Linguaskill. Thang điểm: 180 - 200
4	Aptis ESOL International Certificates	C1
5	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	76 - 84
6	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 490 Đọc: 455 Nói: 180 Viết: 180
7	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	76 - 84

ph

Phụ lục 3
BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC
CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM DÙNG ĐỂ XÉT ĐẦU VÀO
NGÀNH THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

*(Kèm theo Thông báo số 391/TB-HDTS ngày 27 tháng 3 năm 2026
của Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh)*

TT	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
1	TOEFL iBT	30 - 45
2	TOEFL ITP	450 - 499
3	IELTS	4.0 - 5.0
4	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159
5	Aptis ESOL International Certificates	B1
6	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	42 - 53
7	Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2
8	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149
9	Versant English Placement Test (VEPT)	43-66

Th